

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 226/2002/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Về việc ban hành Quy chế Hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997,

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2001/NĐ-CP ngày 20/9/2001 của Chính phủ về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 22/QĐ-NH1 ngày 21/2/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thê lệ thanh toán không dùng tiền mặt, Quyết định số 144/QĐ-NH1 ngày 30/6/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về điều kiện thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN
QUA CÁC TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 226/2002/QĐ-NHNN

ngày 26/3/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng và phạm vi áp dụng.

1. Quy chế này áp dụng cho các đối tượng hoạt động thanh toán sau:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, bao gồm:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước);

Các ngân hàng thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng, bao gồm: ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, ngân hàng đầu tư, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác và các loại hình ngân hàng khác;

Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;

Các tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cho phép làm dịch vụ thanh toán;

Các tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cho phép làm dịch vụ thanh toán.

b) Người sử dụng dịch vụ thanh toán là các tổ chức, cá nhân.

2. Quy chế này áp dụng cho các hoạt động thanh toán trong nước và quốc tế qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:

a) Mở tài khoản thanh toán

b) Thực hiện và sử dụng dịch vụ thanh toán

c) Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán.

3. Mọi hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải tuân thủ các quy định của Quy chế này và các văn bản quy định cụ thể khác của Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến các hoạt động thanh toán.

Điều 2. Điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán đối với các tổ chức khác không phải là ngân hàng:

1. Việc mở tài khoản thực hiện các dịch vụ thanh toán của Kho bạc Nhà nước thực hiện theo các quy định trong Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc mở tài khoản, thực hiện các dịch vụ thanh toán của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương thực hiện theo các quy định trong Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Việc mở tài khoản, thực hiện các dịch vụ thanh toán của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chủ yếu phục vụ các thành viên khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

4. Việc mở tài khoản, thực hiện các dịch vụ thanh toán của các tổ chức không phải tổ chức tín dụng được thực hiện khi Ngân hàng Nhà nước cho phép nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có giấy phép thành lập hoặc giấy phép hoạt động hoặc đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

b) Có phương án hoạt động thanh toán, trong đó chứng minh:

Dịch vụ thanh toán xin phép thực hiện là cần thiết và có liên quan chặt chẽ với hoạt động chính của mình;

Đáp ứng các điều kiện vật chất phù hợp với dịch vụ thanh toán xin phép thực hiện;

Có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ để quản lý và thực hiện dịch vụ thanh toán xin phép thực hiện.

c) Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu có liên quan theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xem xét cấp giấy phép và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp.

Điều 3. Điều kiện thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế đối với ngân hàng, các tổ chức khác không phải là ngân hàng.

1. Đối với ngân hàng: là ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối và có điều kiện vật chất, đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ để quản lý, thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế.

2. Đối với các tổ chức khác không phải là ngân hàng: được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Được phép hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật;

Dịch vụ thanh toán quốc tế là cần thiết và có liên quan chặt chẽ với hoạt động chính;

Đáp ứng các điều kiện vật chất phù hợp với dịch vụ thanh toán quốc tế,

Có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ để quản lý và thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế.

Điều 4. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được mở tài khoản theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân sau đây nếu pháp luật không có quy định khác:

a) Tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại nước ngoài.

b) Các tổ chức Việt Nam và các tổ chức nước ngoài được phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam;

c) Cá nhân là công dân Việt Nam có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự;

d) Cá nhân nước ngoài có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật nước mà cá nhân đó là công dân.

2. Loại tài khoản thanh toán, tính chất, điều kiện, thủ tục mở và sử dụng tài khoản thanh toán do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Đảm bảo khả năng thanh toán.

1. Chủ tài khoản phải đảm bảo có đủ tiền trên tài khoản thanh toán tại thời điểm mà giao dịch thanh toán phải được thực hiện theo lệnh thanh toán mà chủ tài khoản đã lập, hoặc theo thỏa thuận giữa chủ tài khoản và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trừ các trường hợp thấu chi được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thanh toán chỉ được phép thấu chi theo hạn mức thấu chi đã được thỏa thuận bằng văn bản với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, nếu các thỏa thuận này không trái với các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quản lý ngoại hối trong hoạt động thanh toán.

Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, người sử dụng dịch vụ thanh toán phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước trong việc mở tài khoản thực hiện và sử dụng dịch vụ thanh toán.

Chương II

SỬ DỤNG VÀ THỰC HIỆN DỊCH VỤ THANH TOÁN

MỤC 1. LỆNH THANH TOÁN, CHỨNG TỪ THANH TOÁN

Điều 7. Lệnh thanh toán và thực hiện lệnh thanh toán.

1. Lệnh thanh toán là lệnh của người sử dụng dịch vụ thanh toán đối với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán dưới hình thức chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử hoặc các hình thức khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện giao dịch thanh toán.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có nghĩa vụ điều chỉnh các giao dịch thanh toán trong trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đã thực hiện giao dịch

thanh toán không đúng yêu cầu của lệnh thanh toán mà người sử dụng dịch vụ thanh toán lập.

Điều 8. Chứng từ thanh toán.

1. Chứng từ thanh toán là cơ sở để thực hiện giao dịch thanh toán. Chứng từ thanh toán có thể được lập dưới hình thức chứng từ giấy, chứng từ điện tử hoặc cách hình thức khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Loại chứng từ, các yếu tố của chứng từ, việc lập kiểm soát, luân chuyển, bảo quản và lưu trữ chứng từ, trách nhiệm của người sử dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan về chứng từ thanh toán.

Mục 2. PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN, CUNG ỨNG PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN

Điều 9. Phương tiện thanh toán.

Các phương tiện thanh toán bao gồm:

1. Tiền mặt: là tiền giấy và tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước phát hành, dùng làm phương tiện thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Séc: là lệnh trả tiền của chủ tài khoản, được lập theo quy định của pháp luật, yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trích một số tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán của mình để trả cho người thụ hưởng có tên ghi trên séc hoặc trả cho người cầm séc.

3. Ủy nhiệm chi hoặc lệnh chi: là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán quy định, gửi cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mình mở tài khoản yêu cầu tổ chức đó trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

4. Ủy nhiệm thu hoặc nhờ thu: là phương tiện thanh toán mà người thụ hưởng lập lệnh thanh toán theo mẫu do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán quy định, gửi cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán ủy thác thu hộ mình một số tiền nhất định.

5. Thẻ ngân hàng và phương tiện thanh toán do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hành và cấp cho người sử dụng dịch vụ thanh toán để sử dụng theo hợp đồng ký kết giữa tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và người sử dụng dịch vụ thanh toán.

6. Các phương tiện thanh toán khác như hối phiếu, lệnh phiếu... theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Cung ứng phương tiện thanh toán.

1. Cung ứng phương tiện thanh toán bằng tiền mặt.